TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05A/2020/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 03 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 292/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1983, địa chỉ: Khu 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Lê Bá N, sinh năm 1984, địa chỉ: Khu 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; khoản 5, 6 Điều 27 N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải tHnh ngày 26 tháng 12 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải tHnh ngày 26 tháng 12 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải tHnh, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị H và anh Lê Bá N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Lê Bá N tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Lê Bá N có 02 (hai) con chung là cháu Lê Hương G, sinh ngày 01/12/2007 và cháu Lê Ngọc L, sinh ngày 21/11/2014.

Chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Lê Hương G và Lê Ngọc L; Anh Lê Bá N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng, kể từ tháng 01 năm 2020 cho đến khi các cháu tHnh niên (đủ 18 tuổi).

Anh Lê Bá N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hnh án của người được thi Hnh án, nếu người phải thi Hnh án không chịu thi Hnh hoặc thi Hnh không đầy đủ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về tài sản và công nợ: Chị Lê Thị H và anh Lê Bá N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị H tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0004798 ngày 19/12/2019 của Chi cục thi Hnh án dân sự huyện T. Chị Lê Thị H được nhận lại số tiền 150.000 đồng.

Anh Lê Bá N phải nộp 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thoả thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi Hnh án dân sự. Thời hiệu thi Hnh án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hnh án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban Hnh và không bị kháng cáo, kháng N theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND TT. T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Minh Tiến